

Bảng thông số sản phẩm

Thông số kỹ thuật



interface plug-in relay, Harmony electromechanical relays, 12A, 1CO, 230V AC

RSB1A120P7

Main

| | |
|--|----------------------------------|
| Range of product | Harmony Electromechanical Relays |
| Series name | Interface relay |
| product or component type | Plug-in relay |
| Device short name | RSB |
| Contacts type and composition | 1 C/O |
| Contact operation | Standard |
| [Uc] control circuit voltage | 230 V AC 50/60 Hz |
| [Ithe] conventional enclosed thermal current | 12 A at -40...40 °C |
| Status LED | Without |
| Control type | Without push-button |

Complementary

| | |
|--|---|
| Shape of pin | Flat (PCB type) |
| average coil resistance | 33000 Ohm network: AC at 20 °C +/- 10 % |
| [Ue] rated operational voltage | 184...345 V AC 50/60 Hz |
| [Ui] rated insulation voltage | 400 V conforming to IEC 60947 |
| [Uimp] rated impulse withstand voltage | 3.6 kV conforming to IEC 61000-4-5 |
| Contacts material | Silver alloy (AgNi) |
| [Ie] rated operational current | 12 A (AC-1/DC-1) NO conforming to IEC 6 A (AC-1/DC-1) NC conforming to IEC |
| Minimum switching current | 10 mA |
| Maximum switching voltage | 300 V DC conforming to IEC |
| minimum switching voltage | 12 V |
| Maximum switching capacity | 3000 VA/336 W |
| resistive rated load | 12 A at 250 V AC 12 A at 28 V DC |
| Minimum switching capacity | 120 mW at 10 mA, 12 V |
| Operating rate | <= 600 cycles/hour under load <= 18000 cycles/hour no-load |
| Mechanical durability | 10000000 cycles |
| Electrical durability | 100000 cycles, 12 A at 250 V, AC-1 NO 100000 cycles, 6 A at 250 V, AC-1 NC |

| | |
|--------------------------------------|--------------------------------|
| Operating time | 20 ms operating 20 ms reset |
| marking | CE |
| average coil consumption | 0.75 VA AC |
| Drop-out voltage threshold | $\geq 0.15 U_c$ AC |
| Safety reliability data | B10d = 100000 |
| Protection category | RT I |
| Test levels | Level A group mounting |
| Operating position | Any position |
| net weight | 0.014 kg |
| Sale per indivisible quantity | 10 |
| device presentation | Complete product |

Environment

| | |
|--|--|
| Dielectric strength | 1000 V AC between contacts 2500 V AC between poles 5000 V AC between coil and contact |
| Standards | CSA C22.2 No 14 IEC 61810-1 UL 508 |
| Product certifications | EAC UL CSA |
| Ambient air temperature for storage | -40...85 °C |
| Vibration resistance | +/- 1 mm (f= 10...55 Hz) conforming to IEC 60068-2-6 |
| IP degree of protection | IP40 conforming to IEC 60529 |
| Shock resistance | 10 gn (duration = 11 ms) for not operating conforming to IEC 60068-2-27 5 gn (duration = 11 ms) for in operation conforming to IEC 60068-2-27 |
| Ambient air temperature for operation | -40...70 °C (AC) |

Packing Units

| | |
|-------------------------------------|--------|
| Unit Type of Package 1 | PCE |
| Number of Units in Package 1 | 1 |
| Package 1 Height | 2 cm |
| Package 1 Width | 2.5 cm |
| Package 1 Length | 31 cm |
| Package 1 Weight | 15 g |
| Unit Type of Package 2 | BB1 |
| Number of Units in Package 2 | 10 |
| Package 2 Height | 2 cm |
| Package 2 Width | 2.5 cm |
| Package 2 Length | 31 cm |
| Package 2 Weight | 158 g |
| Unit Type of Package 3 | S01 |
| Number of Units in Package 3 | 350 |

| | |
|-------------------------|----------|
| Package 3 Height | 15 cm |
| Package 3 Width | 15 cm |
| Package 3 Length | 40 cm |
| Package 3 Weight | 5.751 kg |

Contractual warranty

| | |
|-----------------|-----------|
| Warranty | 18 months |
|-----------------|-----------|

Bền vững

Nhãn **Green Premium™** là cam kết của Schneider Electric trong việc cung cấp sản phẩm với hiệu suất môi trường tốt nhất. Green Premium cam kết tuân thủ các quy định mới nhất, minh bạch về tác động môi trường, cũng như các sản phẩm tuần hoàn và CO₂ thấp.

Hướng dẫn đánh giá tính bền vững của sản phẩm là tài liệu kỹ thuật phổ thông giúp làm rõ các tiêu chuẩn nhãn sinh thái toàn cầu và cách diễn giải việc khai báo môi trường.

[Tìm hiểu thêm về Green Premium >](#)

[Hướng dẫn đánh giá về sự bền vững của sản phẩm >](#)



Minh bạch

Hiệu suất sức khỏe

✓ Toxic Heavy Metal Free

✓ Mercury Free

✓ Rohs Exemption Information [Yes](#)

Eu Rohs Directive Pro-active compliance (Product out of EU RoHS legal scope)
[EU RoHS Declaration](#)

China Rohs Regulation [China RoHS declaration](#)

Environmental Disclosure [Product Environmental Profile](#)

Weee The product must be disposed on European Union markets following specific waste collection and never end up in rubbish bins

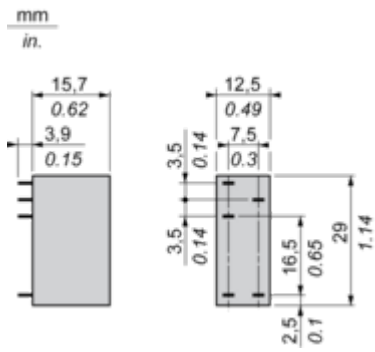
Circularity Profile No need of specific recycling operations

Bảng thông số sản phẩm

RSB1A120P7

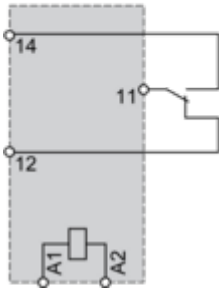
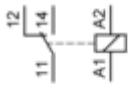
Dimensions Drawings

Dimensions



Connections and Schema

Wiring Diagram

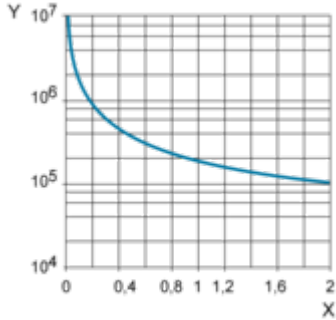


NOTE: For DC input, A1 have to be +, otherwise it would short circuit from protection module

Performance Curves

Electrical Durability of Contacts

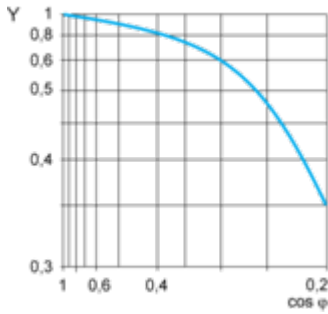
Durability (inductive load) = durability (resistive load) x reduction coefficient.
 Resistive AC load



X Switching capacity (kVA)

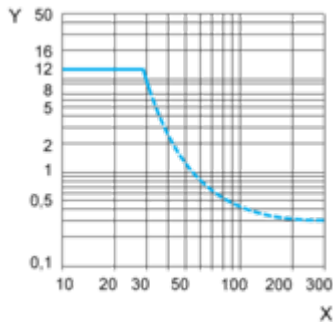
Y Durability (Number of operating cycles)

Reduction coefficient for inductive AC load (depending on power factor $\cos \phi$)



Y Reduction coefficient (A)

Maximum switching capacity on resistive DC load



X Voltage DC

Y Current DC

Note : These are typical curves, actual durability depends on load, environment, duty cycle, etc.